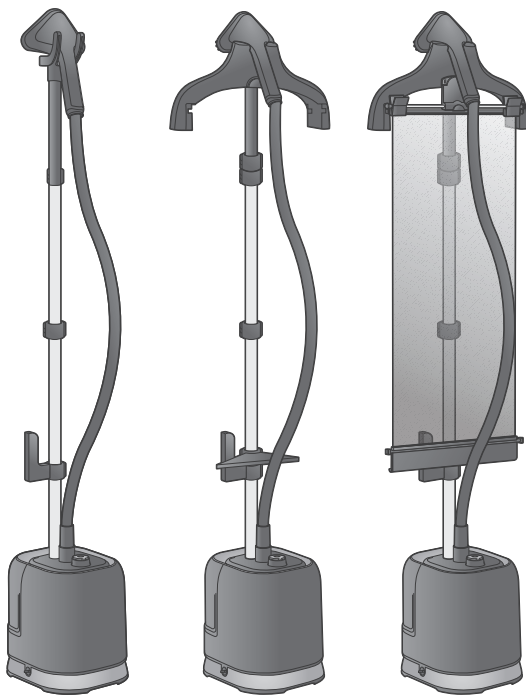
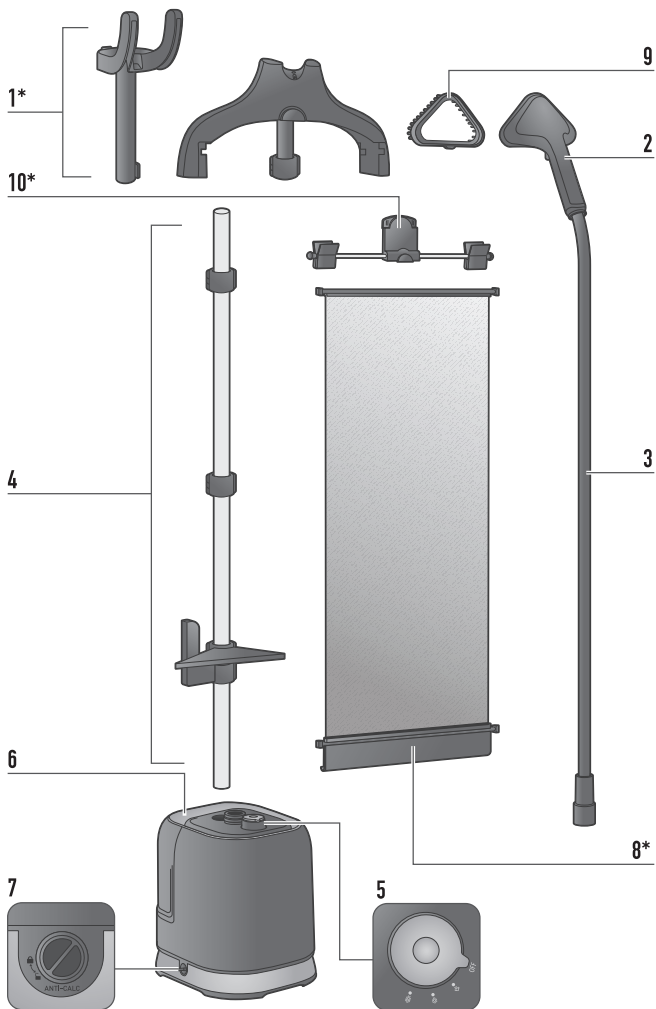


Tefal®

VN
EN
FR



IT34XX



*VN Tùy theo mẫu / EN Depending on model / FR Dépend du modèle

MÔ TẢ SẢN PHẨM / PRODUCT DESCRIPTION / DESCRIPTION DU PRODUIT

- | | |
|--|---|
| 1. VN Móc áo*
EN Hanger*
FR Cintre* | 8. VN Tấm lót co giãn được*
EN Vertical Support*
FR Support vertical* |
| 2. VN Đầu hơi
EN Steam Head
FR Tête vapeur | 9. VN Bàn chải vải
EN Fabric Brush
FR Brosse pour tissu |
| 3. VN Vòi hơi
EN Steam Hose
FR Cordon vapeur | 10. VN Móc & kẹp áo*
EN Hanger & clips*
FR Cintre à pantalons* |
| 4. VN Thanh điều chỉnh độ cao
EN Adjustable poles
FR Pole ajustable | |
| 5. VN Nút BẬT / TẮT
EN ON / OFF Button
FR Bouton ON/OFF | |
| 6. VN Hộp nước có thể tháo rời
EN Removable Water tank
FR Réservoir amovible | |
| 7. VN Nắp thoát nước
EN Draining Cap
FR De-calc ouverture | |

*VN Tùy theo mẫu / EN Depending on model / FR Dépend du modèle

1. LẮP RÁP / ASSEMBLY / ASSEMBLAGE



VN

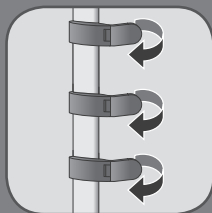
Gắn thanh điều chỉnh chiều cao vào hộc nước cho đến khi bạn nghe thấy tiếng "click"

EN

Insert the pole in the housing until you hear a "click"

FR

Insérez le tube dans le boîtier jusqu'à ce que vous entendiez un clic.



VN

Mở ba khóa trên thanh điều chỉnh độ cao.

EN

Open the three pole locks.

FR

Ouvrez les trois attaches du tube.



VN

Di chuyển ba điểm khóa đến vị trí phù hợp.

EN

Extend the pole fully.

FR

Étirez entièrement le tube.



VN

Đóng ba ổ khóa lại.

EN

Close the three locks.

FR

Fermez les trois attaches du tube.



VN

Gắn móc áo vào thanh điều chỉnh chiều cao ở đầu ống và khóa lại.

EN

Fully insert the hanger vertically on top of the pole and lock it.

FR

Insérez complètement le cintre verticalement en haut du tube et verrouillez le.



VN

Đặt đầu hơi trên giá đỡ của nó.

EN

Position the steam head on its cradle.

FR

Positionnez la tête vapeur sur son support.



VN

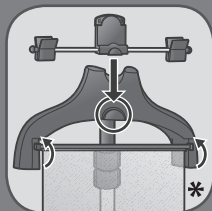
Lắp ống hơi và khóa nó, bằng cách vặn cho đến khi nghe thấy tiếng "click".

VN

Insert the steam hose, and lock it, by screwing until hearing a "click".

FR

Insérer le cordon vapeur, puis verrouillez le en vissant jusqu'à entendre un "clic".



VN

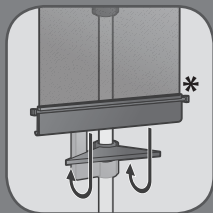
Gắn tấm lót co giãn được vào móc áo.

EN

Add the vertical support and the hanger.

FR

Ajoutez le support vertical amovible et le cintre.



VN

Kéo tấm lót và lắp nó, bằng cách điều chỉnh độ căng bằng móc chuyên dụng và khóa nó.

EN

Unwind the support and fix it, by adjusting the tension with the dedicated hook and lock it.

FR

Deroulez le support et attachez-le, en réglant la tension avec l'accroche prévu à cet effet. Puis verrouillez.

2. TRƯỚC KHI SỬ DỤNG / BEFORE USE / AVANT L'UTILISATION



VN

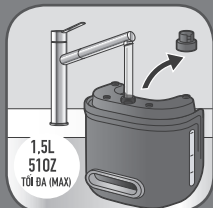
Lấy hộc đựng nước ra.

EN

Remove the water tank.

FR

Retirez le réservoir d'eau.



VN

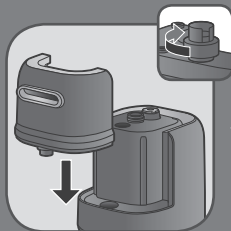
Mở nắp hộc nước sau đó đổ nước vào hộc.

EN

Remove the cap then fill in the water tank.

FR

Retirez le bouchon puis remplissez le réservoir d'eau.



VN

Vặn nắp hộc nước và lắp lại hộc nước vào thiết bị.

EN

Fully screw the water tank cap and insert tank back in appliance.

FR

Vissez complètement le bouchon du réservoir d'eau et remplacez le réservoir dans l'appareil.

* **FR** Dépend du modèle / **EN** Depending on model



VN

Gắn quần áo cần ủi lên móc áo.

EN

Add the clothe of your choice on the hanger.

FR

Ajoutez le vêtement de votre choix sur le cintre.

3. PHỤ KIỆN / ACCESSORIES / ACCESSOIRES



VN

Phụ kiện phải được gắn lên khi thiết bị trong trạng thái nguội và không hoạt động.

EN

Accessories must be settled when appliance is cold and not running.

FR

Les accessoires doivent être installés lorsque l'appareil est froid et n'est pas en fonctionnement.



VN

Bàn chải vải giúp các sợi dệt của vải thấm hơi tốt hơn.

EN

The fabric brush opens the weaves of the fabrics for better steam penetration.

FR

La brosse à tissu ouvre le tissage des tissus pour une meilleure pénétration de la vapeur.

4. CÁCH SỬ DỤNG / USE / UTILISATION



VN

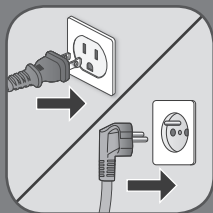
Thiết bị phải được đặt thẳng đứng trên mặt đất.

EN

The appliance must remain in a horizontal position on the floor.

FR

L'appareil doit rester posé horizontalement sur le sol.



VN

Cắm dây vào nguồn điện.

EN

Plug in the appliance.

FR

Branchez l'appareil.



VN

Bật nút BẬT / TẮT để bật thiết bị. Sau đó, điều chỉnh đầu ra hơi bằng cách xoay nút.

EN

Turn the On/Off Button, in order to switch on the appliance. Then, adjust steam output by turning the button.

FR

Tourner le bouton ON/OFF afin d'allumer l'appareil, et régler sur le débit vapeur approprié.



VN

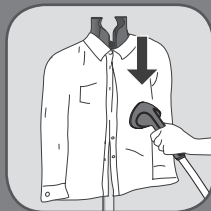
Sau 45 giây, hơi nước sẽ thoát ra.

EN

After 45 seconds approximately, steam will come out.

FR

Après environ 45 secondes, la vapeur sera émise.

**VN**

Để sử dụng hiệu quả, phun tia hơi nước lên quần áo theo hướng từ trên xuống dưới.

EN

For optimal use, pass the steam jets on your garment from top to bottom.

FR

Pour une utilisation optimale, passez les jets de vapeur sur votre vêtement de haut en bas.

**VN**

Không được phun hơi trực tiếp vào người.

EN

Never steam directly on people.

FR

Ne dirigez jamais la vapeur directement vers des personnes.

**VN**

Nếu hơi nước không thoát ra được nữa, điều này có thể là do lượng nước trong bình không đủ.

EN

If steam is not coming out anymore, this can be due to low water level in tank.

FR

Si le flux de vapeur s'arrête, cela est probablement dû au fait que le niveau d'eau dans le réservoir est insuffisant.

5. TRONG KHI SỬ DỤNG / DURING USE / DURANT L'UTILISATION



VN

Bật nút bật / tắt sang chế độ "TẮT", để tắt thiết bị.

EN

Turn the on/off button to the "OFF" positioning, in order to switch off the appliance.

FR

Tourner le bouton ON/OFF jusqu'à la position OFF, afin d'éteindre l'appareil.



VN

Rút phích cắm ra khỏi nguồn điện, sau đó tháo hộc chứa nước.

EN

Unplug, then remove the water tank.

FR

Débranchez l'appareil, et retirez le réservoir d'eau.



VN

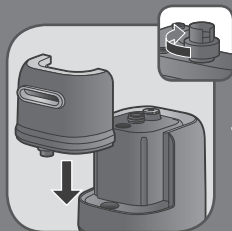
Mở nắp hộc nước sau đó đổ nước vào hộc.

EN

Remove the cap then fill in the water tank.

FR

Retirez le bouchon puis remplissez le réservoir d'eau.



VN

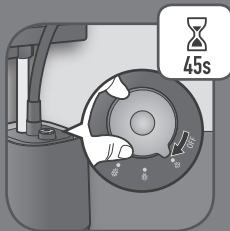
Vặn nắp hộc nước và lắp lại hộc nước vào thiết bị.

EN

Fully screw the water tank cap and insert tank back in appliance.

FR

Vissez complètement le bouchon du réservoir d'eau et remplacez le réservoir dans l'appareil.



VN

Bật nút BẬT / TẮT để bật thiết bị. Sau đó, điều chỉnh đầu ra hơi bằng cách xoay nút.

EN

Turn the On/Off Button, in order to switch on the appliance. Then, adjust steam output by turning the button.

FR

Tourner le bouton ON/OFF afin d'allumer l'appareil, et régler sur le débit vapeur approprié.

6. SAU KHI SỬ DỤNG / AFTER USE / APRÈS L'UTILISATION

VN

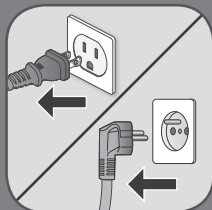
Bật nút bật / tắt sang chế độ "TẮT", để tắt thiết bị.

EN

Turn the on/off button to the "OFF" positioning, in order to switch off the appliance.

FR

Tourner le bouton ON/OFF jusqu'à la position OFF, afin d'éteindre l'appareil.



VN

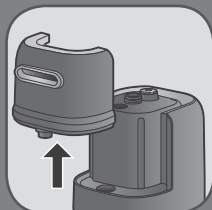
Rút phích cắm ra khỏi nguồn điện.

EN

Unplug the appliance.

FR

Débranchez l'appareil.



VN

Lấy hộp đựng nước ra.

EN

Remove the water tank.

FR

Retirez le réservoir d'eau.



VN

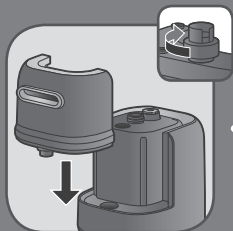
Mở nắp hộp nước và đổ nước còn dư ra khỏi hộp nước.

EN

Unscrew the cap and then empty the water tank completely in a sink.

FR

Dévissez le bouchon puis videz complètement le réservoir d'eau dans un évier.



VN

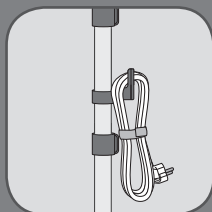
Vặn nắp hộp nước lại và lắp lại hộp nước vào thiết bị.

EN

Screw back the cap and place the water tank back to its appliance.

FR

Revissez le bouchon du réservoir et remplacez le réservoir dans l'appareil.



VN

Cuộn dây nguồn và treo nó lên móc của nó.

EN

Roll up the power cord and place it on its hook.

FR

Enroulez le câble d'alimentation et placez-le sur son crochet.



VN

Đợi khoảng 1 giờ cho thiết bị nguội đi trước khi đem đi cất.

EN

Wait for an hour for your appliance to cool before storing.

FR

Attendez une heure pour votre appareil refroidisse avant de le ranger.

7. CHỐNG ĐÓNG CẶN / DESCALING PROCEDURE / PROCÉDURE DE DÉTARTRAGE



VN

6 tháng áp dụng một lần hoặc trong trường hợp thiết bị giảm hiệu suất.

EN

To apply every 6 months or in case of performance decrease.

FR

À appliquer tous les 6 mois ou en cas de diminution de la performance.



1h

VN

CẢNH BÁO! Đợi khoảng 1 giờ cho thiết bị nguội hẳn.

EN

WARNING! Wait for an hour that appliance completely cools down.

FR

AVERTISSEMENT ! Attendez une heure afin que l'appareil refroidisse complètement.

VN

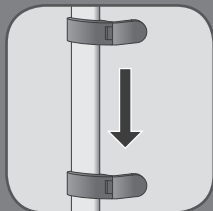
Tháo đầu hơi ra khỏi giá đỡ, mở khóa và thu gọn thanh điều chỉnh.

EN

Remove the steam head from the cradle, unlock & collapse the pole.

FR

Retirez la tête vapeur du support, déverrouillez, et retractez le tube.



VN

Lấy hộc đựng nước ra.

EN

Remove the water tank.

FR

Retirez le réservoir d'eau.





VN

Đổ đầy 0,5L (lít) nước vào bể chứa thiết bị.

EN

Fill in 0.5L(litre) of water in the appliance tank inlet.

FR

Versez 0,5 L(litre) d'eau dans l'orifice du réservoir de l'appareil.



VN

Lắc nhẹ thiết bị để loại bỏ các cặn nhỏ.

EN

Shake Gently the appliance to remove the main particles.

FR

Secouez doucement l'appareil pour retirer les particules principales.



VN

Đặt thiết bị lên bồn rửa và tháo «Nắp thoát nước» bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ.

EN

Place the appliance over a sink & unscrew the «Anti calc» cap by turning it anti clockwise.

FR

Placez l'appareil au-dessus d'un lavabo et dévissez le capuchon « anti calcaire » en le tournant dans le sens antihoraire.



VN

Hãy cẩn thận, nước có thể nóng.

EN

Be careful , water might be hot.

FR

Attention, l'eau peut être chaude.



VN

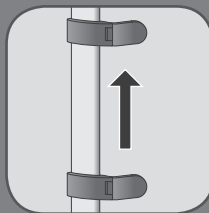
Dốc nghiêng thiết bị để nước và cặn thoát ra

EN

Vertically tilt the appliance to empty mix in a sink.

FR

Inclinez l'appareil verticalement pour vider le mélange dans un évier.



VN

Mở ba khóa trên thanh điều chỉnh, di chuyển ba điểm khóa đến vị trí phù hợp và khóa lại.

EN

Unlock the pole , uncollapse, lock.

FR

Déverrouillez le tube, étirez-le et verrouillez-le.



VN

Đặt đầu hơi trên giá đỡ của nó.

EN

Position the steam head on its cradle.

FR

Positionnez la tête vapeur sur son support.



VN

Mở nắp hộc nước sau đó đổ nước vào hộc.

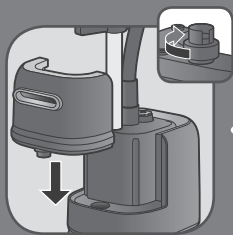
EN

Remove the cap then fill in the water tank.

FR

Retirez le bouchon puis remplissez le réservoir d'eau.

1.5L
51OZ
TỐI ĐA (MAX)



VN

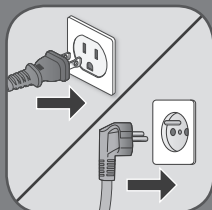
Vặn nắp hộc nước và lắp lại hộc nước vào thiết bị.

EN

Fully screw the water tank cap and insert tank back in appliance.

FR

Vissez complètement le bouchon du réservoir d'eau et replacez le réservoir dans l'appareil.



VN

Cắm dây vào nguồn điện.

EN

Plug in the appliance.

FR

Branchez l'appareil.



VN

Để thiết bị phun cho đến khi hộc đựng nước rỗng hoàn toàn.

EN

Let the appliance run until water tank is emptied completely.

FR

Laissez l'appareil fonctionner jusqu'à ce que le réservoir d'eau se vide complètement.

8. VỆ SINH /CLEANING / NETTOYAGE



1h

VN

Đợi khoảng 1 giờ cho thiết bị nguội hẳn.

EN

Wait an hour for complete cool down.

FR

Attendez une heure afin que l'appareil refroidisse complètement.



VN

Chỉ sử dụng miếng bọt biển mềm với nước để làm sạch bên ngoài.

EN

Only use a sponge with water to clean the base.

FR

Utilisez une éponge uniquement avec de l'eau pour nettoyer la base.



VN

Chỉ sử dụng miếng bọt biển mềm với nước để làm sạch đầu hơi nước.

EN

Only use a sponge with water to clean the steam head.

FR

Utilisez une éponge uniquement avec de l'eau pour nettoyer la tête vapeur.



VN

Không được sử dụng chất tẩy rửa khi làm sạch thiết bị.

EN

Never use detergents when cleaning your appliance.

FR

N'utilisez jamais de détergents pour nettoyer votre appareil.



VN

Không rửa hoặc nhúng thiết bị trực tiếp với nước.

EN

Never wash or rinse appliance directly over a sink.

FR

Ne lavez ni ne rincez jamais l'appareil directement au-dessus d'un évier.



VN

Không rửa hoặc nhúng đầu hơi trực tiếp với nước.

EN

Never wash or rinse the steam head directly over a sink.

FR

Ne lavez ni ne rincez jamais la tête vapeur directement au-dessus d'un évier.